

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh
Ngành: Sư phạm Tiếng Anh (Chất lượng cao)

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Hoc Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
2	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
3	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
4	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
6	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
7		Ngoại ngữ B1	5	5
		Cộng	23	23

Hoc Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
8	ENG2077***	Nghệ thuật sử dụng tiếng Anh	3	3
9	ENG2076***	Tiếng Anh cho các chủ điểm liên ngành	3	3
10	ENG2078***	Dự án giáo dục cách tân	3	3
11	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
12	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
13		Ngoại ngữ B2	5	5
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2023 - 2024

Hoc Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
15	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
16	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
17		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
18-19		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
20		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	20	20

Hoc Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
21	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
22	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
23	PSF3007	Tâm lý học	3	3
24	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
25		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
26-27		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG3115	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Hoc Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
28	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
29	PSF3008	Giáo dục học	3	3
30	ENG3047*	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
31	ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
32	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
33		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3

Hoc Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
34	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
35	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
36	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
37	ENG3119	Kiến tập và thực hành giảng dạy	3	3
38	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
39	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3

	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3138	Đặc thù ngôn ngữ thứ hai	3	3
		Cộng	17	17

40-41		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3
	ENG3068*	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3117	Nghiên cứu hành động cho giáo viên ngoại ngữ	3	3
	ENG3139	Ngôn ngữ trong lớp học	3	3
		Cộng	21	21

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
42	ENG3045*	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3
43	ENG3116	Thực hành giảng dạy chuyên ngành	3	3
44-46		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	ENG3094	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành	3	3
	ENG3078*	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
47	ENG4001*	Thực tập	3	
48	ENG4054**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	
		Cộng	10	

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

146

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 3

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQHVN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6
5	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	3	3
9	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
10	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
11	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
		Cộng	15	21

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
16-17		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	17	17

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
20	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
21	PSF3007	Tâm lý học	3	3
22		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
23		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3)	6	6
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3115	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
29	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
30		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3138	Đặc thù ngôn ngữ thứ hai	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
34	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36-37		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3
	ENG3117	Nghiên cứu hành động cho giáo viên ngoại ngữ	3	3

		Cộng	17	17

	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3139	Ngôn ngữ trong lớp học	3	3
		Cộng	18	18

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
38	ENG3045	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3
39-42		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	ENG3094	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành	3	3
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
	ENG3116	Thực hành giảng dạy chuyên ngành	3	3
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3078	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
43	ENG4001	Thực tập	3	
44-45	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 131

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
5	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
10	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
11	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
16-17		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	17	17

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
20	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
21	PSF3007	Tâm lý học	3	3
22		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
23		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3)	6	6
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tính hoa	3	3
24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3115	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
29	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
30		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
34	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3

	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5)	18	18
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3138	Đặc thù ngôn ngữ thứ hai	3	3
		Cộng	17	17

	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
36-37				
	ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3
	ENG3117	Nghiên cứu hành động cho giáo viên ngoại ngữ	3	3
	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3139	Ngôn ngữ trong lớp học	3	3
		Cộng	18	18

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
38	ENG3045	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3
39-42		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	ENG3094	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành	3	3
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
	ENG3116	Thực hành giảng dạy chiêm nghiệm	3	3
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3078	Xây dựng chương trình & chương trình chi tiết	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
43	ENG4001	Thực tập	3	
44-45	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

131

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 5

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
5	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
10	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
11	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
		Cộng	15	18

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
16-17		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Bảo chi trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	17	17

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
20	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
21	PSF3007	Tâm lý học	3	3
22		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
23		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3)	6	6
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3115	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
29	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
30		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6)	18	18

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
34	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3

29		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc 7)	18	18
	ENG3034B	Các chủ đề trong nghiên cứu Đông Nam Á	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3
		Cộng	14	14

	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
35-36		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc 7)	18	18
	ENG3101	Phong cách học tiếng Anh	3	3
	ENG3104	Chính sách và thể chế quốc tế	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
		Cộng	19	19

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	ENG3113	Di cư và các cộng đồng hải ngoại	3	3
38	ENG3123	Lịch sử & chính trị của các bản sắc xã hội	3	3
39-41		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc 7)	18	18
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3122	Ngôn ngữ học truyền thông	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quốc tế học

Đành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
5	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam(SV có thể chọn học tại HKI hoặc	3	3
9	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
10	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
11	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14-15		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
16		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
17-18		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	20	20

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
20	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
21	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
22		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
23-24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
		Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	ENG3110	Toàn cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
32	ENG3114	Truyền thông và các văn hóa số	3	3
33	ENG3126	Đường hướng nghiên cứu quốc tế học	3	3
34	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2

	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
29		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3034B	Các chủ đề trong nghiên cứu Đông Nam Á	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3
		Cộng	14	14

		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
35-36		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3101	Phương pháp học tiếng Anh	3	3
	ENG3104	Chính sách và thể chế quốc tế	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
		Cộng	19	19

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	ENG3113	Di cư và các cộng đồng hải ngoại	3	3
38	ENG3123	Lịch sử & chính trị của các bản sắc xã hội	3	3
39-41		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3122	Ngôn ngữ học truyền thông	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: **129**

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quốc tế học

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 5

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
5	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
10	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
11	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14-15		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
16		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
17-18		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	20	20

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
20	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
21	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
22		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
23-24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
		Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	ENG3110	Toán cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
32	ENG3114	Truyền thông và các văn hóa số	3	3
33	ENG3126	Đường hướng nghiên cứu quốc tế học	3	3
34	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12

	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
29		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3034B	Các chủ đề trong nghiên cứu Đông Nam Á	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3
		Cộng	14	14

	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
35-36		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3101	Phong cách học tiếng Anh	3	3
	ENG3104	Chính sách và thể chế quốc tế	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
		Cộng	19	19

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	ENG3113	Di cư và các cộng đồng hải ngoại	3	3
38	ENG3123	Lịch sử & chính trị của các bản sắc xã hội	3	3
39-41		Tự chọn khối V.5.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
	ENG3105	Giáo dục quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3122	Ngôn ngữ học truyền thống	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		Cộng	15	15

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành : Ngôn ngữ Anh - Định hướng Kinh doanh Thương mại

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 3

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6
5	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
10	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
11	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
		Cộng	15	21

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
16		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
		Cộng	14	14

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
20		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
21		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
22-23		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	ENG3106	Kinh tế vi mô	3	3
26	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	3
29	ENG3060	Quan hệ con người trong quản lý	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5)	12	12

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3107	Kinh tế vi mô	3	3
32	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
33	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3
34	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
35		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3

	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
	ENG3097	Kế hoạch tài chính cá nhân	3	3
	ENG3100	Phát triển bền vững	3	3
	ENG3111	Đạo đức kinh doanh	3	3
	ENG3030	Biên dịch	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3110	Toán cấu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3
		Cộng	17	17

	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
	ENG3018	Tiếp thị kỹ thuật số	3	3
		Cộng	19	19

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	ENG3118	Kinh doanh quốc tế	3	3
38-41		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3
	ENG3113	Di cư và các cộng đồng hải ngoại	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129
 Với các nhóm học phần tự chọn trên khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành : Ngôn ngữ Anh - Định hướng Kinh doanh Thương mại

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 5

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
5	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
10	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
11	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
16		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
		Cộng	14	14

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
20		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1006	Tim hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tim hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
21		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
22-23		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
		Cộng	20	20

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	ENG3106	Kinh tế vi mô	3	3
26	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	3
29	ENG3060	Quan hệ con người trong quản lý	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG3015	Chữ đề quốc tế học	3	3
		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3107	Kinh tế vĩ mô	3	3
32	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
33	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3
34	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
35		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
	ENG3018	Tiếp thị kỹ thuật số	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quản trị

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 3

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQHNN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6
5	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6
6	ENG2066	Điền thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HK	3	3
9	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
10	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
11	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
		Cộng	15	21

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc	6	6
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
16		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3
	ENG3029	Bảo chi trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
		Cộng	14	14

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
20		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
21		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
22		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
		Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
23	ENG3106	Kinh tế vi mô	3	3
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
26	ENG3124	Nguyên tắc quản trị	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	ENG3060	Quan hệ con người trong quản lý	3	3
		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6	15	15
	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	3
	ENG3097	Kế hoạch tài chính cá nhân	3	3
	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3
	ENG3111	Đạo đức kinh doanh	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	ENG3107	Kinh tế vi mô	3	3
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
32	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
33	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
34-35		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3

ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
ENG3100	Phát triển bền vững	3	3
ENG3030	Biên dịch	3	3
	Tự chọn khối IV.2.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5)</i>	12	12
ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
	Cộng	17	17

ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
ENG3062	Phiên dịch	3	3
	Cộng	22	22

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
38-41		Tự chọn khối V.3.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)</i>	15	15
ENG2060		Phân tích diễn ngôn	3	3
ENG3118		Kinh doanh quốc tế	3	3
ENG3112		Truyền thông thị giác	3	3
ENG3110		Toán cầu hóa và sự hình thành các XH đương đại	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì k

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh
Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quản trị
Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
5	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam(SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HK2)	3	3
9	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
10	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
11	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
16		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
		Cộng	14	14

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
20		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
21		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
22		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
		Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
23	ENG3106	Kinh tế vi mô	3	3
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
26	ENG3124	Nguyên tắc quản trị	3	3
27	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
28	ENG3060	Quan hệ con người trong quản lý	3	3
		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	3
	ENG3097	Kế hoạch tài chính cá nhân	3	3
	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3
	ENG3111	Đạo đức kinh doanh	3	3
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
	ENG3100	Phát triển bền vững	3	3
	ENG3030	Biên dịch	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12

chuyển từ kỳ 6

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	ENG3107	Kinh tế vĩ mô	3	3
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
32	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
33	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
34-35		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3

	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
		Cộng	17	17

		Cộng	22	22

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
38-41		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3118	Kinh doanh quốc tế	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3110	Toán cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

		Tự chọn khối IV.2.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 4 5)</i>	12	12
ENG2075		Các tổ chức quốc tế	3	3
ENG2053		Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
ENG3015		Chu đề quốc tế học	3	3
		Cộng	17	17

		Cộng	22	22

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
38-41		Tự chọn khối V.3.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)</i>	15	15
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3118	Kinh doanh quốc tế	3	3
	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
	ENG3110	Toán cấu hóa và sự hình thành các XH đương đại	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

		Cộng	17	17

	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
		Cộng	16	16

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
36	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	3
37	ENG3112	Truyền thông thị giác	3	3
38	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
39-41		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	18	18
	ENG3122	Ngôn ngữ học truyền thông	3	3
	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3113	Di cư và các cộng đồng hải ngoại	3	3
	ENG3123	Lịch sử & chính trị của các bản sắc xã hội	3	3
	ENG3105	Giáo dục Quốc tế và so sánh	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		Cộng	18	18

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-33	ENG4054	Khoá luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Biên Phiên Dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 4

NNA BPD b4									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5
4	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
5	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
9	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
10	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
11	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
		Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
16-17		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5)	12	12
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3
	ENG3029	Bảo chi trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3
		Cộng	17	17

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
20	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
21		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
22		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1055	Cả học tình hoa	3	3
23		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 2, 4, 5)	12	12
	ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
	ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
	ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
		Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
26	ENG3030	Biên dịch	3	3
27	ENG3062	Phiên dịch	3	3
28	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
29		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3
30		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3110	Toàn cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3
33	ENG3049	Lý thuyết dịch	3	3
34	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
36-37		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	3

	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3
		Cộng	20	20

	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
	ENG3100	Phát triển bền vững	3	3
		Cộng	19	19

NĂM HỌC 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
38	ENG3032	Nghiệp vụ biên - phiên dịch	3	3
39	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3
40-41		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3081	Dịch hội thảo: Lý thuyết và thực hành	3	3
	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3125	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
		Cộng	12	12

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
Thực tập				
42	ENG4001	Thực tập	3	
43-44	ENG4054	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần Tự chọn khối IV.2.2 hoặc V)	6	
		Cộng	9	

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Biên Phiên Dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Anh bậc 5

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)							
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	2		Giáo dục thể chất	4

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2022-2023

Học Kỳ 1					Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	7	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	8	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam(SV có thể chọn học tại HP	3	3
2	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	9	ENG2065	Viết luận đại học	3	3
3		Ngoại ngữ B1	5	5	10	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
4	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3	11	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
5	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3					
6	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
		Cộng	20	20			Cộng	15	15

NĂM HỌC 2023 - 2024

Học Kỳ 3					Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
13	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	19	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
14		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc	6	6	20	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	21		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
15		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	22		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3	6	6
16-17		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5	12	12		PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3		FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
						FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
						FLF1055	Cổ học tình hoa Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 4)	3	3
					23		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 4)	12	12
						ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
						ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3
						ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
							Cộng	17	17

NĂM HỌC 2024-2025

Học Kỳ 5					Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
25	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3	32	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3
26	ENG3030	Biên dịch	3	3	33	ENG3049	Lý thuyết dịch	3	3
27	ENG3062	Phiên dịch	3	3	34	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3
28	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3	35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
29		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5	12	12			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 4)	12	12
	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3		ENG2073	Biên tập văn bản	3	3
	ENG2075	Các tổ chức quốc tế	3	3		ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
30		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6	15	15		ENG2044	Văn minh phương Tây	3	3
	ENG3110	Toàn cầu hóa và sự hình thành các xã hội đương đại	3	3	36-37		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5, 6 hoặc kì 7)	15	15
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3		ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	3
	ENG2045	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3		ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
						ENG3127	Đào tạo và Bồi dưỡng trong tổ chức và doanh nghiệp	3	3
						ENG3079	Quản lý dự án	3	3

